

Bản án số: **137/2023/HS-ST**  
Ngày 29 – 6 – 2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Thanh Lâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Văn Ân
2. Ông Nguyễn Trí Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Khắc T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 117/2023/TLST-HS, ngày 19 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Trần Hoàng T**; Giới tính: Nam; Sinh năm 1999 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: 35/37E, đường G, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Hoàng A và bà La Ngọc Th; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không;

Tiền sự: Vào năm 2022, Công an Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh bắt đưa đi cai nghiện bắt buộc đến tháng 9/2022 thì chấp hành xong.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2022. (có mặt)

2/ Họ và tên: **Ngô Thị Ngọc N**; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1999 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: Đường số 3, Tổ 16, Khu phố 2, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Ngọc T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; Bị cáo khai chưa có chồng nhưng có 02 người con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân :

+ Ngày 30/9/2022, Tòa nhân dân huyện huyện Bình Chánh xử phạt 4 năm 6 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”, theo Bản án số 199/2018/HS-ST. Ngày

28/12/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm đã tuyên hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại và đến nay chưa xét xử lại vụ án.

+ Ngày 14/01/2022, Công an Phước Kiểng, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2022. (có mặt)

*\* Bị hại:*

1. Bà Đặng Thị Hoàng Tr, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 12 Đường số 10, khu Trung Sơn, Ấp 4B, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bà Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 12 Đường số 10, khu Trung Sơn, Ấp 4B, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Phương L, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Số 87, Đường 15, phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. Bà Lê Thanh Nh, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Số 76 Phạm Thế Hiển, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3. Ông Lâm Phi H1, sinh năm 1989 – Chủ hộ kinh doanh cửa hàng điện thoại H1; Địa chỉ: Số 76 Phạm Thế Hiển, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

4. Công ty TNHH Kinh doanh Vàng I M1; Địa chỉ: Số 87, Đường 15, phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật:

4.1. Ông Nguyễn Thanh Ph – Chức vụ: Giám đốc Công ty; Nơi cư trú: 1C/19 Đường 15, Tổ 21, Khu phố 2, phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

4.2. Ông La Anh Kiệt – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty; Nơi cư trú: Số 84, Đường số 9, khu phố 1, phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

5. Ông Trịnh Văn Tr; Nơi cư trú: 202 Lô D đường Ngô Gia Tự, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

6. Ông Nguyễn Văn Hoàng A, sinh năm 1985; Nơi cư trú: C19/29 Ấp 4B, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

*Người làm chứng:* Bà Trịnh Thị L1, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Số 87, Đường 15, phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Hoàng T và Ngô Thị Ngọc N sống với nhau như vợ chồng. Vào khoảng 04 giờ ngày 10/01/2022, do không có tiền tiêu xài nên T và N rủ nhau đi tìm tài sản của người khác để chiếm đoạt, bán lấy tiền tiêu xài. T điều khiển xe mô tô biển số 59H1-290.67 chở N phía sau lưu thông qua nhiều tuyến đường để tìm tài sản chiếm đoạt. Khi đến trước nhà Số 24, Đường số 10, thuộc khu dân cư Trung Sơn, Ấp 4B, xã B,

huyện B, cả hai phát hiện bà Trịnh Thị L1 đang cầm túi xách trên tay phải; bà Phạm Thị Mỹ H đeo túi xách trên vai phải và bà Đặng Thị Hoàng Tr trên cổ có đeo sợi dây cH vàng 18K, trọng lượng 2,2 chỉ và tay phải cầm túi xách. Cả ba người cùng đi bộ song song với nhau, L1 đi sát lề phải đường, Tr đi ở giữa, H đi ngoài cùng, phía bên trái Tr và cách Tr hơn 01 mét, trên vai phải H có đeo túi xách. Lúc này, N nói T chạy xe mô tô biển số 59H1-290.67 áp sát để N giật túi xách của bà H. T liền điều khiển xe mô tô chở N đi từ phía sau, vào khoảng trống giữa Tr và H, áp sát H đồng thời N dùng tay trái giật lấy túi xách của H. H dùng tay phải giữ túi xách lại nên N không giật được.

Sau khi không giật được túi xách của H, N nói T quay lại chỗ H, Tr và L1 để cướp tài sản. T đồng ý nên quay đầu xe mô tô biển số 59H1-290.67 chở N chạy đến chỗ ba người phụ nữ đang đi bộ rồi dừng xe lại, N xuống xe đi bộ về phía ba người phụ nữ, lấy nón bảo hiểm đang đội trên đầu cầm trên tay trái đánh về phía H, L1 và Tr nhằm mục đích giật túi xách của Tr nhưng bị cả ba người này phản kháng dùng tay đánh lại. Lúc này, T xuống xe, xông đến dùng tay đánh về phía ba người phụ nữ, để cho N chiếm đoạt lấy túi xách và sợi dây cH vàng của Tr. Thấy vậy, H, L1 và Tr bỏ chạy.

Sau khi cướp được tài sản của Tr, T điều khiển xe mô tô chở N về khách sạn Trâm Ngọc để nghỉ ngơi. Tại đây, T và N kiểm tra tài sản vừa cướp giật được gồm có một sợi dây cH bằng vàng N cất trong túi quần và một túi xách bên trong có 01 điện thoại di động Iphone X 64GB, tiền mặt 2.500.000 đồng cùng giấy tờ tùy thân của Tr. N vứt bỏ túi xách trong thùng rác tại khách sạn rồi cả hai đi ngủ. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển số 59H1-290.67 chở N đến tiệm vàng M1 (địa chỉ: 87, Đường số 15, phường T, Quận C) bán sợi dây cH vàng với giá 6.409.000 đồng rồi mua lại 02 chiếc nhẫn vàng (nhẫn cưới, loại vàng 18K) với giá 3.894.000 đồng. Sau đó, cả 2 quay trở về lại khách sạn ngủ.

Ngày 11/01/2022, N đến tiệm vàng M1 bán chiếc nhẫn vàng cưới mới mua được với giá là 1.600.000 đồng và cầm chiếc nhẫn vàng cưới còn lại với giá 1.400.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, N cùng T đi đến tiệm điện thoại H1 (địa chỉ: 76 Phạm Thế Hiển, Phường 1, Quận 8) cầm chiếc điện thoại Iphone X của bà Tr với giá 1.500.000 đồng. Đến khoảng 09 giờ ngày 12/01/2022, N cùng T tiếp tục đến tiệm điện thoại H1 để nghị bán luôn chiếc điện thoại Iphone X 64GB và được trả thêm 500.000 đồng.

Đến sáng ngày 13/01/2022, T điều khiển xe mô tô biển số 59H1-290.67 chở N đi thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để mua xe Honda Vision, màu trắng (chưa có biển số). Mua xong, T đến bãi xe A1 (chung cư Becamex Định Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương) gửi xe mô tô biển số 59H1-290.67, rồi T điều khiển xe Vision, màu trắng vừa mua được chở N về lại nhà N tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng 11 giờ 40 ngày 14/01/2022, T điều khiển xe Vision chở N đến trước địa chỉ 535 Trần Xuân Soạn, phường T, Quận C thì gặp Tổ tuần tra Đội 3 - Phòng PC02 Công an Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện nghi vấn nên mời về trụ sở Công an làm việc. Tại đây, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Kết luận định giá tài sản số 3602/KL-HĐĐGTS ngày 11/11/2022 của Hội định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Chánh xác định: Chiếc điện thoại di động hiệu iphone X 64GB có giá trị là 3.800.000 đồng, 01 túi xách: Không xác định được chất liệu, nhãn hiệu, kiểu dáng, kích thước nên không xác định giá trị; 01 sợi

dây cH vàng hàm lượng vàng 70%, phần mặt dây trọng lượng 0,54 chỉ, phần dây trọng lượng 2,22 chỉ, đã qua sử dụng có giá trị: 10.100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản qua định giá là 13.900.000 đồng và 2.500.000 đồng tiền mặt.

Cáo trạng số 65/CT-VKS ngày 08/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh truy tố các bị cáo Trần Hoàng T và Ngô Thị Ngọc N về tội “Cướp tài sản” và tội “Cướp giạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168; điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Qua làm việc bà Phạm Thị Mỹ H khai nhận bị T và N cướp giạt túi xách nhưng không được, tài sản trong túi xách lúc bị cướp giạt gồm: 01 chiếc điện thoại di động Iphone 8, số tiền là 3.000.000 đồng và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thị Mỹ H. Hiện nay, H đi đâu không rõ nên chưa thu giữ được những tài sản này để định giá theo quy định.

Quá trình điều tra, Trần Hoàng T và Ngô Thị Ngọc N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện nêu trên.

### **Tại phiên tòa:**

- Các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đã truy tố. Các bị cáo thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải. Các bị cáo không tranh luận và lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu vẫn giữ N quan điểm truy tố các bị cáo về tội “Cướp tài sản” và “Cướp giạt tài sản”, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 15, Điều 57, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo **Trần Hoàng T** từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù về tội “cướp tài sản” và 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “cướp giạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo chấp hành theo quy định.

+ Áp dụng điểm d, khoản 2 Điều 168; điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo **Ngô Thị Ngọc N** từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 6 tháng tù về tội “cướp tài sản” và 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “cướp giạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo chấp hành theo quy định;

+ Về dân sự: Bà Đặng Thi Hoàng Tr đã nhận lại sợi dây chuyền và chiếc điện thoại, bà Tr không yêu cầu N và T bồi thường lại số tiền 2.500.000 đồng và 01 giấy chứng minh nhân nên không xem xét. Còn bà H cũng không có yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét.

Đối với sợi dây chuyền, cặp nhẫn vàng mà Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành đã thu giữ tại tiệm vàng M1. Người đại diện tiệm vàng M1 không yêu cầu T, N bồi thường dân sự nên không xem xét vấn đề bồi thường.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X 64GB, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ tại tiệm điện thoại H1. Người đại diện tiệm điện thoại H1 không yêu cầu T và N bồi thường lại số tiền 2.000.000 đồng nên không xem xét. Tuy nhiên, cần buộc các bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính 2.000.000 đồng để nộp sung vào Ngân sách Nhà nước

+ Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là bà Tr: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X 64GB, 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng; Trả lại 02 chiếc nhẫn kim loại màu vàng đã thu giữ cho tiệm vàng M1; Tịch thu, tiêu hủy đối với: 01 nón bảo hiểm màu đen thu giữ của N; trả lại cho bị cáo N 01 chiếc điện thoại di động hiệu Sony màu đen, 01 căn cước công dân mang tên Ngô Thị Ngọc N thu giữ của N; trả lại cho T 01 xe mô tô hiệu honda Vision, màu trắng, không biển số thu giữ của T vì không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Ngoài ra, buộc bị cáo nộp lại số tiền đã thu lợi bất chính để sung vào Ngân sách Nhà nước.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Chánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của bị hại và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án thì có đủ căn cứ xác định như sau:

Vào khoảng 04 giờ ngày 10/01/2022 tại trước nhà số 24, đường số 10, Ấp 4B, xã B, huyện B, bị cáo Trần Hoàng T và Ngô Thị Ngọc N có hành vi cướp giật túi xách của bị hại Phạm Thị Mỹ H, do bị hại dùng tay phải giữ chặt túi xách nên các bị cáo không cướp giật được tài sản của H.

Quá trình điều tra bị hại H khai nhận khi các bị cáo giật túi xách thì trong túi xách có 01 chiếc điện thoại di động Iphone 8, số tiền là 3.000.000 đồng và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thị Mỹ H. Các bị cáo đều thừa nhận đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản nêu trên của bà H không thành và cũng không có ý kiến gì đối với lời khai của bà H. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại và người làm chứng, biên bản thực nghiệm điều tra và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy, ngay khi tiếp nhận sự việc Cơ quan điều tra đã không tiến hành lập biên bản ghi nhận những tài sản bị cướp giật bên trong túi xách của bị hại H và tiến hành định giá tài sản theo quy định là có thiếu sót trong việc thu thập chứng cứ để xác định khung hình phạt truy tố đối với các bị cáo. Về việc này, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh để điều tra làm rõ nhưng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh vẫn giữ N quan điểm và có Văn bản phản hồi không thể thu thập được các tài liệu này, cũng như không thể liên hệ được với bị hại do bị hại bỏ đi đâu không rõ.

Xét thấy, vụ án đã xảy ra từ tháng 01/2022 đến nay nên đã quá thời hạn điều tra, truy tố, xét xử; tội danh này không đòi hỏi cấu thành cơ bản là giá trị tài sản chiếm đoạt nên để đảm bảo quyền lợi cho các bị cáo đang bị tạm giam nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được, lời khai của các bị cáo và bị hại

trong hồ sơ vụ án, tuy nhiên cũng cần rút kinh nghiệm đối với các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình tiến hành các thủ tục tố tụng điều tra, truy tố vụ án trên.

Ngay khi cướp giật tài sản của bà H không đạt, T đã điều khiển xe mô tô biển số 59H1-290.67 chở N quay lại chỗ các bị hại đang đứng và dùng vũ lực tấn công để cướp tài sản của bị hại Đặng Thị Hoàng Tr gồm: 01 điện thoại di động hiệu iphone X 64GB có giá trị là 3.800.000 đồng, 01 sợi dây ch vàng giá trị: 10.100.000 đồng; tiền mặt 2.500.000 đồng; 01 túi xách không xác định giá trị và giấy tờ tùy thân của Tr. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại Đặng Thị Hoàng Tr là 16.400.000 đồng, 01 túi xách không xác định giá trị và giấy tờ tùy thân của Tr.

Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Trần Hoàng T và Ngô Thị Ngọc N đã phạm tội “Cướp tài sản” của bị hại Đặng Thị Hoàng Tr và tội “Cướp giật tài sản” của bị hại Phạm Thị Mỹ H. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 168 và Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với hành vi “cướp giật tài sản” Các bị cáo dùng xe mô tô để chiếm đoạt tài sản của bị hại Phạm Thị Mỹ H nên thuộc trường hợp phạm tội “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xét thấy, các bị cáo vẫn chưa chiếm đoạt được tài sản của bị hại H nên thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng Điều 15, Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Đối với hành vi “cướp tài sản”, các bị cáo đã dùng nón bảo hiểm tấn công các bị hại để chiếm đoạt tài sản của Đặng Thị Hoàng Tr là thuộc trường hợp phạm tội “sử dụng hung khí nguy hiểm” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét về vai trò đồng phạm: Trong các lần phạm tội nêu trên, các bị cáo đều là đồng phạm giản đơn, không có sự thống nhất bàn bạc chặt chẽ khi phạm tội nên vai trò phạm tội của các bị cáo ngang nhau.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo T có 01 tiền sự bị áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và N có nhân thân bị lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và hiện nay đang bị điều tra, truy tố về tội “Môi giới mại dâm” nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Xét thấy, Bản án số 199/2018/HS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo N 4 năm 6 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nêu trên và hiện nay chưa xét xử lại nên không tiến hành tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Ngô Thị Ngọc N.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

[4.1] Bị hại bà Đặng Thị Hoàng Tr đã nhận lại 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X 64GB, 01 sợi dây ch kim loại màu vàng. Các bị hại Đặng Thị Hoàng Tr và

Phạm Thị Mỹ H không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

Riêng đối với số tiền 2.500.000 đồng tiền mặt các bị cáo chiếm đoạt của bị hại không thu hồi được. Quá trình điều tra, bị hại Tr có lời khai không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nhưng cũng không có ý kiến cho các bị cáo số tiền trên. Xét thấy đây là tiền các bị cáo đang thực tế chiếm hưởng, cần buộc các bị cáo liên đới nộp lại số tiền này để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[4.2] Đối với sợi dây cH, cặp nhẫn vàng, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành đã thu giữ tại tiệm vàng M1. Đại diện tiệm vàng M1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường, không có ý kiến đối với số tiền này và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét. Tuy nhiên, đối với số tiền 6.409.000 đồng các bị cáo có được từ việc bán chiếc nhẫn của Tr là tiền thu lợi bất chính, các bị cáo sử dụng số tiền này mua 02 chiếc nhẫn vàng tại tiệm vàng M1 với giá 3.894.000 đồng. Sau đó, các bị cáo đem 2 nhẫn vàng này bán lại cho tiệm vàng M1 thu về được 3.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính từ việc bán chiếc nhẫn tại tiệm vàng M1 còn là 5.515.000 đồng. Xét thấy, cần buộc các bị cáo liên đới nộp lại số tiền này để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[4.3] Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone X 64GB, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ tại tiệm điện thoại H1. Đại diện tiệm điện thoại H1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường lại số tiền 2.000.000 đồng và đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật nên không xem xét. Tuy nhiên, đối với số tiền 2.000.000 đồng các bị cáo có được là tiền các bị cáo đang thực tế chiếm hưởng, tiệm điện thoại H1 cũng không có ý kiến cho các bị cáo số tiền này nên cần buộc các bị cáo liên đới nộp lại số tiền này để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[5] Đối với 01 xe mô tô hiệu biển số 59H1- 290.67 thu giữ của T mà bị cáo T điều khiển chở bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra xác định chiếc xe trên có liên quan đến vụ “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, Công an huyện Bình Chánh tiếp tục tạm giữ và không chuyển cùng hồ sơ vụ án để xác minh nên không xem xét xử lý trong vụ này.

[6] Xử lý vật chứng:

[6.1] 02 chiếc nhẫn kim loại màu vàng thu giữ tại tiệm vàng M1: Xét thấy cần trả lại cho tiệm vàng M1 02 chiếc nhẫn này.

[6.2] 01 xe mô tô hiệu honda Vision, màu trắng, không biển số thu giữ của T, qua xác minh xe do T đứng tên mua tại Công ty TNHH Hiếu Thành Phát (thuộc thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương), chiếc xe này không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo T nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6.3] 01 chiếc điện thoại di động hiệu Sony màu đen: Trả lại cho bị cáo N do không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Đối với 01 căn cước công dân mang tên Ngô Thị Ngọc N trả lại cho N.

[6.4] 01 nón bảo hiểm màu đen thu giữ của N: N sử dụng làm phương tiện phạm tội, vật này không có giá trị hoặc bị thu giữ lâu không sử dụng được nên tịch thu tiêu hủy.

[6.5] Đối với Phiếu giữ xe số 0029854 (gồm phần liên 1 và liên 2); 01 hợp đồng thế chấp tài sản mang tên Công ty TNHH kinh doanh vàng M1; 01 giấy bảo đảm của Công ty TNHH kinh doanh vàng M1, xét thấy cần tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.  
Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Hoàng T và Ngô Thị Ngọc N phạm tội “Cướp tài sản” và tội “Cướp giật tài sản”.

2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 15, Điều 55, Điều 57 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Trần Hoàng T**: 08 năm tù về tội “Cướp tài sản” và 02 năm về tội “Cướp giật tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 10 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/01/2022.

3. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 15, Điều 55, Điều 57 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Ngô Thị Ngọc N**: 08 năm tù về tội “Cướp tài sản” và 02 năm về tội “Cướp giật tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 10 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/01/2022.

4. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

4.1. Buộc các bị cáo Trần Hoàng T và Ngô Thị Ngọc N liên đới nộp lại số tiền 2.500.000 + 5.515.000 + 2.000.000 = 10.015.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

4.2. Trả lại cho tiệm vàng M1: 02 chiếc nhẫn kim loại màu vàng.

4.3. Trả lại cho bị cáo Trần Hoàng T: 01 xe mô tô hiệu honda Vision, màu trắng, không biển số nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

4.4. Trả lại cho bị cáo Ngô Thị Ngọc N: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Sony màu đen nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án; 01 căn cước công dân mang tên Ngô Thị Ngọc N (Căn cước này đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án).

4.5. Tịch thu tiêu hủy: 01 nón bảo hiểm màu đen.

(Các vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/02/2023 giữa công an huyện Bình Chánh và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh).

4.6. Lưu theo hồ sơ vụ án: Đối với Phiếu giữ xe số 0029854 (gồm phần liên 1 và liên 2); 01 hợp đồng thế chấp tài sản mang tên Công ty TNHH kinh doanh vàng M1; 01 giấy bảo đảm của Công ty TNHH kinh doanh vàng M1 (các tài liệu này đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án).

\* Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí: Mỗi bị cáo chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Bị hại, người có



quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Bị cáo; đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bình Chánh;
- Lưu: Vp, Hồ sơ vụ án (TP. Lâm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



**Vũ Thanh Lâm**